

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Trường
- Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý L, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1977 (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Lý L trình bày: Chị và anh Võ Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2005 theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh T có thái độ coi thường vợ và gia đình bên vợ. Do tình cảm không còn, chị L yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, có 01 cháu chưa đủ 18 tuổi tên Võ Ngọc T1, sinh ngày 17/01/2011, cháu đang sống với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên toà bị đơn anh Võ Minh T trình bày: Anh và chị L chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, anh cũng đã thừa nhận sai sót với chị L và mong muốn chị L hàn gắn lại mối quan hệ. Do anh T còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, có 01 người con chưa đủ 18 tuổi tên Võ Ngọc T1, sinh ngày 17/01/2011, cháu đang sống với chị L. Do anh T không muốn ly hôn nên vợ chồng vẫn nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh T không có yêu cầu gì.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý L và anh Võ Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị L thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên bất đồng quan điểm, anh T thường hay coi thường vợ và gia đình bên vợ, nên vợ chồng không có hạnh phúc. Tại phiên toà anh T cho rằng còn thương vợ không đồng ý ly hôn. Qua diễn biến tại phiên toà cho thấy anh T và chị L đã không có tiếng nói chung, bất đồng nhiều quan điểm. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên để anh chị hàn gắn lại mối quan hệ. Tuy nhiên chị L vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy chị L, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung chị L và anh T có 02 người con chung, 01 người đã trưởng thành và 01 cháu dưới 18 tuổi tên Võ Ngọc T1, sinh ngày 17/01/2011, đang sống chung với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi con. Cháu T1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị L. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát

triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu T1, cần ổn định cho chị L nuôi dưỡng con chung. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lý L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý L và anh Võ Minh T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc T1, sinh ngày 17/01/2011 cho chị Lý L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Võ Ngọc T1 tròn 18 tuổi. Anh Võ Minh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lý L phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã đóng theo biên lai số 0003381 ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị L đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh